

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 619 /CV-DHT

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dược phẩm Hà Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) 6 tháng năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

- Mã chứng khoán: DHT
- Địa chỉ: Số 10A phố Quang Trung, phường Hà Đông, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0433 501 117 Fax:
- Email: vanthu@hataphar.vn
- Website: <https://www.hataphar.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC 6 tháng năm 2025
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán):

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:



☐ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 25/08/2025 tại đường dẫn: <https://www.hataphar.com.vn/thong-tin-co-dong.html>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng,
- BCTC HN 6 tháng năm 2025
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Ds. Lê Xuân Thắng



CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch
Ông Lê Anh Trung	Phó chủ tịch
Bà Lê Việt Linh	Thành viên HĐQT
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên HĐQT
Ông Hiroyasu Nishioska	Thành viên HĐQT
Ông Keisuke Oshio	Thành viên HĐQT

Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Anh Trung	Phó Tổng giám đốc
Bà Lê Việt Linh	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025
đến ngày 30/6/2025

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Lê Xuân Thắng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

Số: 2208.01 -25/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20/8/2025, từ trang 5 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Nguyễn Thị Hồng Vân
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
Đơn vị tính: VND					
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		983.000.728.638	924.861.085.892
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.01	157.117.080.604	90.269.672.873
1 Tiền		111		77.117.080.604	70.269.672.873
2 Các khoản tương đương tiền		112		80.000.000.000	20.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		70.000.000.000	90.000.000.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	V.02	70.000.000.000	90.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		200.021.406.672	192.360.480.643
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.03	123.031.080.019	127.407.266.728
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.04	71.930.682.320	59.380.091.165
3 Phải thu ngắn hạn khác		136	V.05	8.583.645.056	8.884.273.984
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.06	(3.524.000.723)	(3.311.151.234)
IV. Hàng tồn kho		140	V.07	551.619.373.482	527.935.214.966
1 Hàng tồn kho		141		553.580.423.233	529.896.264.717
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		(1.961.049.751)	(1.961.049.751)
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		4.242.867.880	24.295.717.410
1 Thuế GTGT được khấu trừ		152		3.620.012.051	23.664.448.196
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		154	V.15	622.855.829	631.269.214
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.020.481.990.939	1.001.444.167.114
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		-	-
II. Tài sản cố định		220		183.884.598.088	187.367.778.307
1 Tài sản cố định hữu hình		221	V.08	182.507.938.088	185.991.118.307
- Nguyên giá		222		443.739.850.615	438.444.729.462
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(261.231.912.527)	(252.453.611.155)
2 Tài sản cố định vô hình		227	V.09	1.376.660.000	1.376.660.000
- Nguyên giá		228		2.026.660.000	2.026.660.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(650.000.000)	(650.000.000)
III. Bất động sản đầu tư		230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn		240		812.699.877.711	790.109.801.102
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		242	V.10	812.699.877.711	790.109.801.102
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		250	V.02	19.525.815.642	19.335.631.790
1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		252		19.525.815.642	19.335.631.790
2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác		260		4.371.699.498	4.630.955.915
1 Chi phí trả trước dài hạn		261	V.11	4.371.699.498	4.630.955.915
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		2.003.482.719.577	1.926.305.253.006

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

Mẫu số B 01a - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		910.951.253.492	869.544.931.289
I. Nợ ngắn hạn	310		809.194.798.020	767.752.475.817
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	305.475.578.704	235.206.963.747
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	151.464.336.894	131.593.255.879
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	3.302.483.432	6.057.330.629
4 Phải trả người lao động	314		14.800.889.567	15.735.720.457
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	2.126.531.079	162.743.579
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.497.365.896	909.298.387
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	809.239.523	608.008.522
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	325.692.156.052	373.273.974.867
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.026.216.873	4.205.179.750
II. Nợ dài hạn	330		101.756.455.472	101.792.455.472
1 Phải trả dài hạn khác	337	V.18	4.843.500.000	4.879.500.000
2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	96.912.955.472	96.912.955.472
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.092.531.466.085	1.056.760.321.717
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	1.092.531.466.085	1.056.760.321.717
1 Vốn góp của chủ sở hữu	411		823.417.730.000	823.417.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		823.417.730.000	823.417.730.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		97.320.000.000	97.320.000.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.612.306.630	26.612.306.630
4 Cổ phiếu quỹ	415		(8.083.874.357)	(8.083.874.357)
5 Quỹ đầu tư phát triển	418		10.749.248.213	10.749.248.213
6 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		113.485.035.064	79.530.817.489
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		78.999.133.435	47.855.748.037
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		34.485.901.629	31.675.069.452
8 Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		29.031.020.535	27.214.093.742
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.003.482.719.577	1.926.305.253.006

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025
CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hoàng Văn Tuế

Tổng Giám đốc

Lê Xuân Thắng

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

Mẫu số B 02a - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.070.569.562.879	999.692.287.014
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	209.869.070	243.758.050
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3	1.070.359.693.809	999.448.528.964
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4	963.034.045.601	898.553.441.477
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		107.325.648.208	100.895.087.487
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	16.272.793.859	9.171.050.471
7 Chi phí tài chính	22	VI.6	13.245.813.064	11.717.873.151
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.127.225.787	6.429.048.594
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		4.989.433.485	2.579.111.904
9 Chi phí bán hàng	25	VI.9	15.716.331.981	15.595.150.935
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	60.775.790.178	49.428.512.010
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		38.849.940.329	35.903.713.766
12 Thu nhập khác	31	VI.7	7.453.240.653	6.794.446.141
13 Chi phí khác	32	VI.8	630.379.075	8.576.831
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.822.861.578	6.785.869.310
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		45.672.801.907	42.689.583.076
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	8.352.860.985	8.106.682.346
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		37.319.940.922	34.582.900.730
19 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		34.485.901.629	33.321.771.674
20 Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		2.834.039.293	1.261.129.056
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	418,82	404,68

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hoàng Văn Tuế

Lê Xuân Thắng

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45.672.801.907	42.689.583.076
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11.930.613.214	9.337.403.254
- Các khoản dự phòng	03		212.849.489	1.652.903.450
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.299.727.203	1.192.027.911
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.925.105.580)	(4.446.506.218)
- Chi phí lãi vay	06		7.127.225.787	6.429.048.594
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		57.318.112.020	56.854.460.067
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.970.502.024,00	52.609.391.572
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(23.684.158.516)	(44.043.828.687)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		98.493.753.748	3.780.187.131
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		259.256.417	358.495.842
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.173.238.312)	(6.495.284.521)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.494.507.962)	(7.624.375.930)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(178.962.877)	(199.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		123.510.756.542	55.239.345.474
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(40.457.863.446)	(68.812.137.228)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		113.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(70.000.000.000)	(140.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.000.000.000	100.000.000.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		8.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.262.039.654	2.898.013.119
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.082.187.428)	(105.914.124.109)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		381.263.054.367	324.607.532.614
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(428.844.873.182)	(452.036.704.645)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(41.170.130.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(47.581.818.815)	(168.599.302.031)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		66.846.750.299	(219.274.080.666)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		90.269.672.873	301.790.483.392
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		657.432	874.354
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.01	157.117.080.604	82.517.277.080

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hoàng Văn Tuế

Tổng Giám đốc

Lê Xuân Thắng

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001. Công ty có 24 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 thay đổi lần thứ 24 cấp ngày 15/01/2024 thì vốn điều lệ của Công ty là **823.417.730.000 đồng** (Tám trăm hai mươi ba tỷ, bốn trăm mười bảy triệu, bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DHT.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối thuốc, nguyên vật liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn hàng hóa theo quy định của pháp luật (không bao gồm hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và lúa gạo, đường mía, đường củ cải, thuốc lá và xì gà, dầu thô và dầu đã qua chế biến, thuốc nổ, sách báo và tạp chí, kim loại quý và đá quý, vật phẩm đã ghi hình trên mọi vật liệu);
- Thực hiện quyền phân phối bán buôn thuốc và nguyên liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam; Bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc cho cơ sở bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo khoản 10 điều 91 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ bảo quản thuốc; Thực hiện quyền xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của Pháp luật (không bao gồm hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và hàng hóa tại Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Thông tư 34/2013/TT-BCT); Thực hiện quyền xuất nhập khẩu thuốc và nguyên liệu làm thuốc;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng; Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn hàng hóa theo quy định của pháp luật (không bao gồm hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và lúa gạo, đường mía, đường củ cải)/.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

5. Cấu trúc Tập đoàn

a/ Thông tin về các đơn vị hạch toán báo sổ của Công ty:

- | | |
|--|---|
| 1. Chi nhánh Dược phẩm số 1 | - Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 2. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An | - Địa chỉ: Số 80 Đường Nguyễn Trãi, Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An, Việt Nam |
| 3. Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì | - Địa chỉ: Số 406, đường Quảng Oai, xã Quảng Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 4. Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín | - Địa chỉ: Số 251 phố Ga, Xã Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 5. Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức | - Địa chỉ: Số 92 đội 3, Thôn Tế Tiêu, Xã Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 6. Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng | - Địa chỉ: Số nhà 2, đường 422, Khu 6, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 7. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Thái Bình | - Địa chỉ: Lô 13, tổ 22, đường Đốc Đen, khu tái định cư, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam |
| 8. Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên | - Địa chỉ: Tiểu khu Mỹ Lâm, xã Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 9. Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây | - Địa chỉ: Số 122, Lê Lợi, phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 10. Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai | - Địa chỉ: Đường phố Huyện, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 11. Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hòa | - Địa chỉ: Số 96, xóm Hồng Phong, thôn Hoàng Xá, xã Vân Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 12. Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai | - Địa chỉ: Số nhà 121, phố Kim Bài, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 13. Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất | - Địa chỉ: Đường 84, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 14. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây | - Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam |

b) Thông tin chi tiết về Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 như sau:

- | | |
|--|--|
| 1. Công ty Cổ phần Dược thiết bị y tế Hà Tây | Địa chỉ: Số 10, ngõ 4, phố Xóm, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| | Hoạt động chính: Sản xuất thực phẩm chức năng và kinh doanh thiết bị y tế |
| | Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 50,63% |
| | Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 50,63% |

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

c) Thông tin chi tiết về Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 như sau:

- | | |
|--|---|
| 1. Công ty TNHH Hataphar Miền Nam | Địa chỉ: Số 62 Trần Văn Giáp, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Hoạt động chính: Kinh doanh thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, máy và thiết bị dụng cụ y tế
Tỷ lệ phần sở hữu: 48,28%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 48,28% |
| 2. Công ty CP Dược phẩm Công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam | Địa chỉ: Số 80 Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Hoạt động chính: Kinh doanh và phân phối thuốc
Tỷ lệ phần sở hữu: 49,00%
Tỷ lệ quyền biểu quyết: 49,00% |

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 30/6/2025 là 585 người (tại ngày 31/12/2024 là 780 người)

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo thông tư số 202/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập tại ngày 30/6/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải	03 - 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
- Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

9. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới quyền sử dụng đất lâu dài tại số 62 Trần Văn Giáp, phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Phần mềm kế toán

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm kế toán không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

11. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí sửa chữa nhà xưởng; công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa các nhà xưởng là chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác: là chi phí phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong không quá 03 năm.

12. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí lãi vay, chi phí kỷ niệm 60 năm thành lập Công ty là các chi phí trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng địa điểm.

17. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của kỳ này.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ bán hàng hóa, thành phẩm thuốc, doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Mẫu số B 09a - DN/HN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác của Công ty là tiền thu từ cho thuê nhà, thu thanh lý tài sản cố định, thu cho thuê nhân công và các khoản thu nhập khác, được ghi nhận trên cơ sở Hợp đồng cho thuê nhà, hợp đồng bán thanh lý tài sản cố định, hóa đơn tài chính, phiếu thu, chứng từ ngân hàng và các chứng từ kế toán có liên quan.

19. Các nghĩa vụ về thuế**Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

20. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh dược phẩm và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền	77.117.080.604	70.269.672.873
<i>Tiền mặt</i>	<i>7.518.894.656</i>	<i>13.278.124.220</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>69.598.185.948</i>	<i>56.991.548.653</i>
Tiền gửi ngân hàng VND	69.480.961.878	56.759.111.855
Tiền gửi ngân hàng USD	106.249.299	224.301.351
Tiền gửi ngân hàng EUR	10.974.771	8.135.447
Các khoản tương đương tiền	80.000.000.000	20.000.000.000
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	80.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	157.117.080.604	90.269.672.873

(*) Là các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ngắn hạn</i>	70.000.000.000	70.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	40.000.000.000	40.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Đông (2)	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Cộng	70.000.000.000	70.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000

(1) Hợp đồng tiền gửi số 320/2025/9160 ngày 31/3/2025 với số tiền 40 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 4,8%/năm, lãi trả cuối kỳ.

(2) Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Đông bao gồm các hợp đồng:

+ Hợp đồng tiền gửi số 75/HĐTGVAB-DHT ngày 27/3/2025, số tiền 20 tỷ đồng, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất từ 6%/năm, lãi trả cuối kỳ;

+ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 82 ngày 01/4/2025, số tiền 10 tỷ đồng, kỳ hạn 06 tháng, lãi suất 6,0%/năm, lãi trả cuối kỳ.

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá gốc	Điều chỉnh trong kỳ	Giá trị ghi sổ	Điều chỉnh trong kỳ
	Giá gốc	Điều chỉnh trong kỳ	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
Đầu tư vào công ty liên kết				
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam (i)	700.000.000	267.262.230	967.262.230	124.811.232
Trường Cao đẳng Kỹ thuật y dược Hà Nội (ii)	-	-	-	-
Công ty CP Dược phẩm Công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam (iii)	2.450.000.000	16.108.553.412	18.558.553.412	12.773.254.979
Cộng	3.150.000.000	16.375.815.642	19.525.815.642	12.898.066.211
				19.335.631.790

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong kỳ:

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 15/6/2017, Công ty đầu tư 700.000.000 VND vào Công ty TNHH Hataphar Miền Nam, tương đương 48,28% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 700.000.000 VND, tương đương 48,28% vốn điều lệ.

(ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây số 875/NQ-DHT ngày 22/8/2023 thì Hội đồng cổ đông đã thông qua việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty CP Dược và Thiết bị Y tế Hà Tây tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y Dược Hà Nội. Đến ngày 24/01/2025, chuyển nhượng phần vốn góp nêu trên đã hoàn tất. Theo đó, kể từ ngày 24/01/2025, Trường Cao đẳng Kỹ thuật Y Dược Hà Nội không còn là Công ty liên kết của Công ty

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 20/6/2023 thì Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam 4.900.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty được trả cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng 490.000 cổ phiếu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ tương đương 980.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam (số đầu năm là 490.000 cổ phiếu, tương đương 49% vốn điều lệ). Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 3 ngày 11/6/2025 thì Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam 9.800.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ.

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các Công ty liên kết chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Tại thời điểm 30/6/2025, tất cả các khoản đầu tư nêu trên đều không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

	30/6/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	123.031.080.019	(3.524.000.723)	127.407.266.728	(3.311.151.234)
<i>- Trong đó một số khoản phải thu khách hàng có số dư lớn:</i>				
Công ty CP Dược vật tư Y tế Thành Vinh	2.440.807.940	-	1.309.526.370	-
Công ty TNHH Dược phẩm Thuận Anh	6.368.579.175	-	9.454.374.467	-
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	25.102.003.395	-	63.375.349.280	-
Công ty CP Y dược Pháp Âu	867.883.084	-	1.450.206.484	-
Công ty TNHH Đức Tâm	1.235.312.186	-	868.896.298	-
Công ty CP Dược phẩm Vinh Gia	2.830.381.947	-	2.869.454.757	-
Công ty TNHH Trường Huy	2.984.786.591	-	4.119.196.070	-
Công ty CP Dược phẩm Hạnh Hà	2.449.720.007	-	4.821.708.418	-
Công ty CP Dược phẩm Vinaplant	6.927.272.979	-	5.131.474.842	-
Công ty TNHH Dược phẩm Stabled	2.533.617.628	-	4.380.639.034	-
Công ty CP Đầu tư Kim Long	1.565.371.425	-	2.879.529.852	-
Công ty CP Thiết Bị T&T	8.741.969.164	-	837.406.953	-
Công ty CP Dược phẩm và Thiết bị y tế Life	12.587.911.990	-	-	-
Công ty TNHH Dược phẩm California USA	11.128.023.588	-	-	-
Bệnh viện Thành phố Thủ Đức	1.901.125.000	(1.798.460.000)	1.992.665.000	(1.722.334.000)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	71.930.682.320	59.380.091.165
<i>- Trong đó một số khoản trả trước cho người bán có số dư lớn:</i>		
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng SDC	4.547.744.699	-
Panpharma GMBH	-	13.154.807.906
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	3.136.254.281	1.709.103.940
XL Laboratories PVT.,LTD	2.900.559.780	18.931.343.957
Bliss Pharma distribution and consul Tancy corp	18.544.678.160	2.364.270.000
Pharmametics products a division of max Biocare Pty Ltd	518.960.000	3.043.217.797
Delta Pharma Ltd	32.298.302.671	5.145.850.347
Công ty TNHH Tập đoàn thang máy thiết bị Thăng Long	-	824.800.000

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

5. Phải thu khác

30/6/2025

01/01/2025

VND

VND

	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.871.616.145</i>	-	<i>2.059.376.373</i>	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.826.958.916	-	1.979.397.260	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An	1.361.753.425	-	1.979.397.260	-
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Đông	465.205.491	-	-	-
Đối tượng khác	44.657.229	-	79.979.113	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>304.986.411</i>	-	<i>417.855.111</i>	-
Hoàng Thị Minh Nguyệt	-	-	300.000.000	-
Nguyễn Văn Phúc	100.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	204.986.411	-	117.855.111	-
<i>Đặt cọc, ký quỹ</i>	<i>6.407.042.500</i>	-	<i>6.407.042.500</i>	-
Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc (*)	6.407.042.500	-	6.407.042.500	-
Cộng	8.583.645.056	-	8.884.273.984	-

(*) Khoản ký quỹ cho Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc để đảm bảo thực hiện dự án "Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao Hataphar" được quy định tại Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 06/TTKQ ngày 27 tháng 11 năm 2020.

6. Nợ xấu

30/6/2025

01/01/2025

VND

VND

	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng				
Bệnh viện quận Thủ Đức	1.901.125.000	102.665.000	1.866.065.000	143.731.000
Các đối tượng khác	2.257.310.216	531.769.493	1.678.633.431	89.816.197
Cộng	4.158.435.216	634.434.493	3.544.698.431	233.547.197

7. Hàng tồn kho

30/6/2025

01/01/2025

VND

VND

	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	25.375.807.991	-	65.940.100.079	-
Nguyên liệu, vật liệu	104.301.670.186	-	107.094.027.941	-
Công cụ, dụng cụ	331.408.119	-	543.682.370	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	1.838.766.875	-
Thành phẩm	37.015.908.417	(1.961.049.751)	43.390.614.449	(1.961.049.751)
Hàng hoá	386.555.628.520	-	311.089.073.003	-
Cộng	553.580.423.233	(1.961.049.751)	529.896.264.717	(1.961.049.751)

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					Đơn vị tính: VND	
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Nguyên giá</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	165.433.649.181	254.464.404.513	12.984.271.801	5.123.121.467	439.282.500	438.444.729.462
Mua trong kỳ	-	4.329.456.102	1.071.875.548	-	-	5.401.331.650
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.046.101.345	-	-	-	-	3.046.101.345
Thanh lý, nhượng bán	-	(671.688.703)	(1.600.188.615)	(880.434.524)	-	(3.152.311.842)
Số dư ngày 30/6/2025	168.479.750.526	258.122.171.912	12.455.958.734	4.242.686.943	439.282.500	443.739.850.615
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>						
Số dư ngày 01/01/2025	94.621.095.499	144.365.098.744	8.258.164.805	4.769.969.606	439.282.500	252.453.611.155
Khấu hao trong kỳ	3.589.496.520	7.933.990.024	367.250.883	39.875.787	-	11.930.613.214
Thanh lý, nhượng bán	-	(671.688.703)	(1.600.188.615)	(880.434.524)	-	(3.152.311.842)
Số dư ngày 30/6/2025	98.210.592.019	151.627.400.065	7.025.227.073	3.929.410.869	439.282.500	261.231.912.527
<i>Giá trị còn lại</i>						
Tại ngày 01/01/2025	70.812.553.682	110.099.305.769	4.726.106.996	353.151.861	-	185.991.118.307
Tại ngày 30/6/2025	70.269.158.507	106.494.771.847	5.430.731.661	313.276.074	-	182.507.938.088

- Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại thời điểm 30/6/2025: 164.003.175.713 VND (tại 31/12/2024: 167.628.149.698 VND)

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2025	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Số dư ngày 30/6/2025	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2025	650.000.000	-	650.000.000
Số dư ngày 30/6/2025	650.000.000	-	650.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2025	-	1.376.660.000	1.376.660.000
Tại ngày 30/6/2025	-	1.376.660.000	1.376.660.000

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025: 650.000.000 VND (Tại ngày 31/12/2024: 650.000.000 VND).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dự án Nhà máy dược phẩm công nghệ cao Hataphar (*)	800.058.857.577	783.197.217.350
Dây chuyền thiết bị rửa, tiệt trùng chai lọ thủy tinh	925.925.926	-
Chi phí nghiên cứu, phát triển sản phẩm thuốc	11.715.094.208	6.912.583.752
Cộng	812.699.877.711	790.109.801.102

(*) Dự án đầu tư được thực hiện theo Biên bản họp Hội đồng cổ đông bất thường số 855/BB-DHT ngày 26/08/2020 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 856/NQ-DHT ngày 26/08/2020 về việc thông qua phê duyệt Dự án: "Nhà máy sản xuất dược phẩm Công nghệ cao Hataphar". Trong đó lãi vay vốn hóa vào Dự án lũy kế đến 30/6/2025 là 24.494.318.831 đồng (Tại 01/01/2025 là 19.780.939.500 đồng).

11. Chi phí trả trước	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	1.632.980.550	1.378.549.737
Chi phí cải tạo sửa chữa	2.721.010.617	3.228.447.845
Chi phí trả trước khác	17.708.331	23.958.333
Cộng	4.371.699.498	4.630.955.915

12. Phải trả người bán	30/6/2025		01/01/2025	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	305.475.578.704	305.475.578.704	235.206.963.747	235.206.963.747
<i>- Trong đó một số khoản phải trả người bán có số dư lớn:</i>				
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	2.666.223.433	2.666.223.433	3.907.753.067	3.907.753.067
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	8.295.285.087	8.295.285.087	11.392.041.393	11.392.041.393
KPC Pharmaceuticals, Inc	19.295.404.404	19.295.404.404	18.745.888.869	18.745.888.869

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Laboratorio Italiano	-	-	24.197.333.026	24.197.333.026
Biochimico Farmaceutico Lisa pharma S.P.A				
Inbiotech L.t.d	7.240.797.600	7.240.797.600	9.194.736.030	9.194.736.030
XL Laboratories PVT.,LTD	93.938.509.512	93.938.509.512	16.837.250.486	16.837.250.486
Pharmaunity Co.,Ltd	33.464.433.496	33.464.433.496	33.987.410.018	33.987.410.018
Gracure Pharmaceuticals Limited	10.128.675.725	10.128.675.725	12.949.962.228	12.949.962.228
Concord Biotech Limited	19.981.298.760	19.981.298.760	20.490.547.797	20.490.547.797
Saifen Drugs (Hong Kong)	16.850.808.182	16.850.808.182	7.621.817.561	7.621.817.561

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

13. Người mua trả tiền trước	30/6/2025 VND	01/01/2025 VND
------------------------------	------------------	-------------------

a) Ngắn hạn	151.464.336.894	131.593.255.879
- Trong đó một số khoản người mua trả tiền trước có số dư lớn:		
Công ty CP Thiết bị T&T	-	6.556.194.866
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm T&T	1.787.705.420	2.779.357.780
Công ty CP Kinh doanh thương mại Tân Trường Sinh	-	2.911.479.920
Công ty CP Đầu tư và Phát triển thương mại Ngôi Sao Việt	2.294.027.221	820.670.220
Công ty TNHH Dược phẩm Bảo Ngân	-	10.735.707.200
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	17.724.547.315	31.178.516.478
Công ty TNHH Thương mại Dược TB Việt Nam	30.592.944.421	24.495.082.359
Công ty CP Dược phẩm Vietlife	1.603.308.000	3.722.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Lâm An	13.000.000.000	11.700.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Tân Đại Cát	2.900.000.000	3.409.598.360
Công ty CP Dược Phẩm Danh Minh	6.662.995.840	-
Công ty TNHH Dược Phẩm 1A Việt Nam	10.420.000.000	-
Công ty CP Dược phẩm và Thương Mại Đại Thủy	8.928.359.550	-

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Đơn vị tính: VND			
Khoản mục	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2025
a) Phải nộp				
Thuế GTGT đầu ra	6.639.831	1.074.960.065	838.680.610	242.919.286
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	39.575.286.307	39.575.286.307	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	6.937.385	6.937.385	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.070.076.715	8.352.860.985	10.494.507.962	2.928.429.738
Thuế Thu nhập cá nhân	980.614.083	2.052.297.149	2.901.776.824	131.134.408
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.536.120.565	2.536.120.565	-
Thuế tài nguyên	-	11.563.200	11.563.200	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	29.000.000	29.000.000	-
Cộng	6.057.330.629	53.639.025.656	56.393.872.853	3.302.483.432
b) Phải thu				
Thuế GTGT đầu ra	622.855.829	-	-	622.855.829
Thuế xuất nhập khẩu	8.413.385	6.349.325.741	6.340.912.356	-
Cộng	631.269.214	6.349.325.741	6.340.912.356	622.855.829

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính
Vay

Đơn vị tính: VND

	30/6/2025		Trong kỳ			01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	325.692.156.052	325.692.156.052	381.263.054.367	428.844.873.182	373.273.974.867	373.273.974.867	
Vay ngắn hạn	311.847.448.127	311.847.448.127	381.263.054.367	428.844.873.182	359.429.266.942	359.429.266.942	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	85.860.521.855	85.860.521.855	93.588.379.871	152.166.320.698	144.438.462.682	144.438.462.682	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (2)	65.393.732.420	65.393.732.420	113.349.658.999	148.040.423.238	100.084.496.659	100.084.496.659	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội (3)	50.513.709.028	50.513.709.028	61.288.812.401	66.372.156.289	55.597.052.916	55.597.052.916	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh (4)	61.213.812.532	61.213.812.532	87.584.862.290	43.549.277.420	17.178.227.662	17.178.227.662	
Vay cá nhân (5)	48.865.672.292	48.865.672.292	25.451.340.806	18.716.695.537	42.131.027.023	42.131.027.023	
Nợ dài hạn đến hạn trả	13.844.707.925	13.844.707.925	-	-	13.844.707.925	13.844.707.925	
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (6)	13.844.707.925	13.844.707.925			13.844.707.925	13.844.707.925	
b) Vay dài hạn	96.912.955.472	96.912.955.472	-	-	96.912.955.472	96.912.955.472	
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (6)	96.912.955.472	96.912.955.472			96.912.955.472	96.912.955.472	
Cộng	422.605.111.524	422.605.111.524	381.263.054.367	428.844.873.182	470.186.930.339	470.186.930.339	

CÔNG TY CP DƯỠC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Mẫu số B 09a - DN/HN

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 2209/2024-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 23/09/2024, hạn mức cho vay 150 tỷ đồng (đã bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cấp tín dụng số 2209/2023-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 22/09/2023), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất vào ngày hai mươi lăm (25) (hoặc ngày làm việc liền kề trước nếu ngày hai mươi lăm (25) đó không phải là ngày làm việc); thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng/khế ước kể từ thời điểm giải ngân khoản vay; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 23/09/2025; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/25/QLN/HM/VCBTHN ngày 06/02/2025 đính kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 04/25/QLN/CTD/VCBTHN ngày 06/02/2025, hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 04/25/QLN/HMLC/VCBTHN ngày 06/02/2025, thỏa thuận bảo lãnh cấp tín dụng theo hạn mức số 04/25/QLN/HMBL/VCBTHN ngày 06/02/2025 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 04/4/2025, hạn mức cho vay 200 tỷ đồng (bao gồm cả hạn mức của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 37/23/QLN/HM/VCBTHN ngày 17/10/2023), mục đích vay để tài trợ các nhu cầu vay vốn ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 05 tháng; thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc đến hết ngày 19/02/2026 tùy theo trường hợp nào đến trước; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 130002065517 ngày 16/08/2019 và phụ lục gia hạn - sửa đổi bổ sung số 130002065517/10 ngày 05/09/2024 gia hạn hạn mức đến ngày 15/08/2025, hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay: đối với trường hợp lãi suất cố định cho khoản vay áp dụng lãi suất cố định trong suốt thời hạn cho vay theo mức lãi suất quy định trên Đơn rút vốn vay kèm Khế ước nhận nợ của từng khoản vay, trường hợp lãi suất điều chỉnh: áp dụng mức lãi suất tham chiếu MFC 3 tháng cộng (+) Biên độ 0,74%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần trong suốt thời hạn cho vay; thời hạn mỗi khoản tín dụng trong hạn mức quy định trong từng văn bản nhận nợ nhưng không vượt quá 03 tháng/khế ước; thời hạn cấp tín dụng là 05 năm kể từ ngày ký hợp đồng, khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/177578/HĐTD ngày 10/6/2025; hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 200 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; lãi suất được xác định trong từng hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này; khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Các khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng vay, nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay dưới 12 tháng; lãi suất từ 0,033%/tháng đến 0,4%/tháng.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

(6) Hợp đồng tín dụng dài hạn số FL/053/22 ngày 02/8/2022, thỏa thuận sửa đổi số 02 ngày 17/01/2023, thỏa thuận sửa đổi số 03 ngày 27/12/2023 đối với Hợp đồng tín dụng số FL/053/22 ngày 02/8/2022, hạn mức tín dụng không vượt quá 235 tỷ đồng, thời hạn vay đến 31/12/2032. Mục đích vay để sử dụng cho Đầu tư Tài sản cố định/Xây dựng nhà máy và không sử dụng cho mục đích nào khác. Lãi suất cụ thể cho kỳ tính lãi đầu tiên được nêu trong Đề nghị rút vốn tạo thành một phần không tách rời của các đề nghị đó sẽ có giá trị ràng buộc hai bên kể từ thời điểm Ngân hàng và Khách hàng đồng ý về mức lãi suất đó (dù bằng lời nói hoặc cách nào khác), mức lãi suất cụ thể và các điều khoản khác của các khoản rút vốn sau đó sẽ được ghi lại bằng chứng trong một thông báo "Thông báo khoản vay" được Ngân hàng gửi cho Khách hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng thư bảo lãnh do Aska Pharmaceutial Holdings Co., Ltd phát hành ngày 02/8/2022. Đợt hoàn trả đầu tiên liên quan đến một khoản Rút vốn sẽ được thực hiện vào ngày làm việc cuối cùng của tháng 12 năm 2025, các đợt hoàn trả tiếp theo sẽ được thực hiện 12 tháng một lần.

c) Vay là các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

16. Chi phí phải trả	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước lãi vay phải trả	116.731.054	162.743.579
Trích trước chi phí kỷ niệm 60 năm thành lập Công ty	2.009.800.025	-
Cộng	2.126.531.079	162.743.579

17. Doanh thu chưa thực hiện	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê nhà và địa điểm	1.497.365.896	909.298.387
Cộng	1.497.365.896	909.298.387

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn	809.239.523	608.008.522
Các khoản bảo hiểm	444.619.035	564.338.463
Các khoản phải trả, phải nộp khác	364.620.488	43.670.059
b) Dài hạn	4.843.500.000	4.879.500.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.843.500.000	4.879.500.000
Cộng	5.652.739.523	5.487.508.522

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2024	823.417.730.000	97.320.000.000	26.612.306.630	(8.083.874.357)	88.257.122.317	1.027.523.284.590
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	71.771.819.452	71.771.819.452
Chia cổ tức năm 2023	-	-	-	-	(40.096.750.000)	(40.096.750.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2024	-	-	-	-	(40.096.750.000)	(40.096.750.000)
Giảm khác					(304.624.280)	(304.624.280)
Số dư tại ngày 31/12/2024	823.417.730.000	97.320.000.000	26.612.306.630	(8.083.874.357)	79.530.817.489	1.018.796.979.762
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	34.485.901.629	34.485.901.629
Giảm khác (1)	-	-	-	-	(531.684.054)	(531.684.054)
Số dư tại ngày 30/6/2025	823.417.730.000	97.320.000.000	26.612.306.630	(8.083.874.357)	113.485.035.064	1.052.751.197.337

(1) Giám do Công ty CP Dược phẩm Công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ chi thường ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024 ứng với tỷ lệ của Cổ đông không kiểm soát.

(*): Giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trước ngày 01/7/2015.

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ Đầu tư phát triển Thành phố Hà Nội	30.978.660.000	30.978.660.000
ASKA Pharmaceutical Co., Ltd	329.752.390.000	321.810.390.000
Lê Văn Lớ	46.199.910.000	46.199.910.000
Ngô Văn Chính	20.178.110.000	20.178.110.000
Hoàng Văn Tuế	32.866.560.000	32.866.560.000
Lê Việt Linh	52.219.860.000	52.219.860.000
Lê Anh Trung	30.653.390.000	30.653.390.000
Lê Xuân Thắng	32.004.810.000	32.004.810.000
Ngô Tuấn Việt	5.000.000.000	5.000.000.000
Các cổ đông khác	243.564.040.000	251.506.040.000
Cộng	823.417.730.000	823.417.730.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Vốn góp của chủ sở hữu	823.417.730.000	823.417.730.000
Vốn góp đầu kỳ	823.417.730.000	823.417.730.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	823.417.730.000	823.417.730.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	41.170.130.000

19.4 Cổ phiếu

	30/6/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	82.341.773	82.341.773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.341.773	82.341.773
- Cổ phiếu phổ thông	82.341.773	82.341.773
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.513	1.513
- Cổ phiếu phổ thông	1.513	1.513
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.340.260	82.340.260
- Cổ phiếu phổ thông	82.340.260	82.340.260
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng		

19.5 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không có
 - Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

19.6 Các quỹ của doanh nghiệp

				Đơn vị tính: VND
Khoản mục	01/01/2025	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2025
Quỹ đầu tư phát triển	10.749.248.213	-	-	10.749.248.213
Cộng	10.749.248.213	-	-	10.749.248.213

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

	30/6/2025	01/01/2025
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
Dollar Mỹ (USD)	4.122,55	8.883,21
EURO (EUR)	365,76	311,93

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	327.331.858.754	352.407.016.035
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	743.237.704.125	647.285.270.979
Cộng	1.070.569.562.879	999.692.287.014

b) Doanh thu với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Hàng bán bị trả lại	209.869.070	243.758.050
Cộng	209.869.070	243.758.050

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
a) Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	327.121.989.684	352.163.257.985
Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư	743.237.704.125	647.285.270.979
Cộng	1.070.359.693.809	999.448.528.964

b) Doanh thu thuần với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**4. Giá vốn bán hàng**

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Giá vốn bán thành phẩm	236.283.235.672	269.874.528.825
Giá vốn bán hàng hóa, vật tư	726.216.905.808	628.678.912.652
Chi phí xử lý hàng tồn kho	533.904.121	-
Cộng	963.034.045.601	898.553.441.477

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Doanh thu hoạt động bán khoản đầu tư	4.712.434.421	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.109.601.310	4.446.506.218
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	7.756.649.265	4.058.212.278
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	694.108.863	208.464.190
Doanh thu tài chính khác	-	457.867.785
Cộng	16.272.793.859	9.171.050.471

6. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
a) Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	7.127.225.787	6.429.048.594
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	818.860.074	3.263.802.929
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	5.299.727.203	1.192.027.911
Chi phí tài chính khác	-	832.993.717
Cộng	13.245.813.064	11.717.873.151

b) Chi phí hoạt động tài chính với các bên liên quan: chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

7. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Thu từ cho thuê địa điểm	7.062.215.655	5.951.646.565
Thu thanh lý tài sản cố định	113.636.364	-
Thu nhập khác	277.388.634	842.799.576
Cộng	7.453.240.653	6.794.446.141

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
Truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	96.205.582	8.576.831
Thuế GTGT không được hoàn	534.173.474	-
Các khoản chi phí khác	19	-
Cộng	630.379.075	8.576.831

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	15.716.331.981	15.595.150.935
Chi phí nhân viên bán hàng	9.059.246.158	9.493.493.047
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	220.082.292	230.005.178
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	52.131.060	61.036.840

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Chi phí khấu hao TSCĐ	300.477.432	240.629.274
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.427.234.974	458.385.946
Chi phí bằng tiền khác	4.657.160.065	5.111.600.650
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	60.866.596.979	49.610.260.220
Chi phí nhân viên quản lý	26.339.021.940	18.343.306.940
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	1.803.708.006	2.015.204.358
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	4.861.630.843	2.596.211.125
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.191.917.672	1.036.392.495
Thuế, phí, lệ phí	1.570.698.251	1.817.214.394
Chi phí dự phòng	303.656.290	1.834.651.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.414.572.666	7.206.327.883
Chi phí bằng tiền khác	16.381.391.311	14.760.951.365
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(90.806.801)	(181.748.210)
Hoàn lập dự phòng phải thu khó đòi	(90.806.801)	(181.748.210)
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên, vật liệu	173.932.400.089	201.831.764.998
Chi phí nhân công	49.559.444.599	45.460.138.568
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.930.613.214	9.337.403.254
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.159.824.195	12.056.103.356
Chi phí khác bằng tiền	32.018.208.967	31.875.693.435
Cộng	285.600.491.064	300.561.103.611
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	8.352.860.985	8.106.682.346
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.352.860.985	8.106.682.346
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.485.901.629	33.321.771.674
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.485.901.629	33.321.771.674
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	82.340.260	82.340.260
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	418,82	404,68

(*) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu nêu trên chưa loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ

	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	381.263.054.367	324.607.532.614
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	428.844.873.182	452.036.704.645

VIII. Những thông tin khác

1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây số 566/NQ-DHT ngày 24/7/2025 thì Hội đồng quản trị thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 để thông qua phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10% từ thặng dư vốn và lợi nhuận của Công ty.

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	Công ty liên kết
Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch HĐQT
Ông Hiroyasu Nishioka	Thành viên HĐQT
Ông Keisuke Oshio	Thành viên HĐQT
Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc
Ông Hoàng Văn Tuế	Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT
Ông Lê Anh Trung	Phó Tổng giám đốc, Phó chủ tịch HĐQT
Bà Lê Việt Linh	Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT
Ông Ngô Văn Chinh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Hà Đệ	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Kazuhiro Chiku	Thành viên Ban kiểm soát (bỏ nhiệm từ ngày 14/4/2025)
Ông Đặng Đình Dự	Thành viên Ban kiểm soát (nghỉ hưu và đơn từ nhiệm từ ngày 01/9/2024)

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

2.1 Trong kỳ Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

		Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
		VND	VND
a) Bán hàng			
	Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	107.562.841.697	127.409.386.850
b) Mua hàng			
	Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	46.295.324.209	47.985.818.717
c) Chi phí lãi vay			
	Ông Lê Văn Lớ	508.597.522	631.311.887
	Ông Nguyễn Bá Lai	71.285.488	81.794.674
	Ông Lê Xuân Thắng	-	286.985.790
	Ông Hoàng Văn Tuế	29.594.844	194.211.654
	Ông Lê Anh Trung	10.360.475	272.882.791
	Bà Lê Việt Linh	-	333.423.300
	Ông Ngô Văn Chinh	-	119.234.388

2.2 Số dư với các bên liên quan

		30/6/2025	01/01/2025
		VND	VND
a) Phải thu khách hàng			
	Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	25.102.003.395	63.375.349.280
b) Trả trước cho người bán			
	Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	3.136.254.281	1.709.103.940
c) Phải trả người bán			
	Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	8.295.285.087	11.392.041.393
d) Vay ngắn hạn			
	Ông Lê Văn Lớ	21.780.220.372	7.900.585.989
	Ông Nguyễn Bá Lai	3.000.000.000	2.000.000.000
	Ông Hoàng Văn Tuế	989.872.000	980.400.000
	Ông Lê Anh Trung	429.301.455	429.301.455

2.3 Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

		Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024
		VND	VND
Họ và tên	Chức danh		
Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch HĐQT	918.732.000	783.331.100
Ông Hiroyasu Nishioka	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Keisuke Oshio	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	843.371.760	715.855.400

Mẫu số B 09a - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc	679.952.200	638.022.400
Ông Lê Anh Trung	Phó Tổng giám đốc, Phó chủ tịch HĐQT	791.024.100	676.204.400
Bà Lê Việt Linh	Phó Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT	792.825.660	672.685.300
Ông Ngô Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc	544.312.300	162.088.100
Ông Hoàng Văn Tuế	Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT	716.481.960	604.531.200
Ông Ngô Văn Chính	Trưởng Ban kiểm soát	680.783.400	572.401.400
Ông Nguyễn Hà Đệ	Thành viên Ban kiểm soát	256.591.400	221.832.100
Ông Kazuhiro Chiku	Thành viên Ban kiểm soát (bỏ nhiệm từ ngày 14/4/2025)	-	-
Ông Đặng Đình Dự	Thành viên Ban kiểm soát (nghỉ hưu và đơn từ nhiệm từ ngày 01/9/2024)	-	345.953.500
Cộng		6.224.074.780	5.392.904.900

3. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Bích Ngọc

Hoàng Văn Tuế

Lê Xuân Thắng

